

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2022

V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mai Khanh và ông Đặng Anh Hiếu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Tuấn Long - Cán bộ TAND quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2022/TLST- HNGĐ ngày 23/3/2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985; Trú tại: HKTT: xã Tràng An, huyện Đông Triều, Quảng Ninh; Tạm trú tại: Tổ 7 Tư Đình, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Hiện ở tại: Tổ 25 Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; HKTT:, xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên; Tạm trú tại: Tổ 7 Tư Đình, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội; Hiện ở tại: Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/1/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày ngày 9/9/2009 tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2019 – 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H có quan hệ trai gái, rượu chè và nhiều lý do khác quan khác. Tôi chuyển ra sống riêng, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, không quan hệ sinh lý. Hiện nay tôi sống tại tổ 25 Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

* Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 10/11/2010, hiện đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi xin được trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về án phí: Tôi xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 9/9/2009 tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Tôi vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nếu chị T vẫn quyết định ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Về con chung: Tôi và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 10/11/2010. Nếu phải ly hôn về con chung tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và theo nguyện vọng của cháu N.

* Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị T vẫn nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Chị T giữ nguyên ý kiến xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải N sau ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H nhất trí giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: Về hôn nhân: Tại phiên tòa mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 10/11/2010. Giao con chung là cháu Nguyễn Hải N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên

không xem xét. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đăng ký tạm trú tại địa chỉ tổ 7 Tư Đình phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 9/9/2009 tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì chị Thủy và anh Huy trình bày là không thống nhất nhưng cả hai đều xác nhận vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng và sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt từ tháng 6/2020 đến nay. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa anh H cũng thừa nhận quá trình giải quyết vụ án Tòa án và anh đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng đều không thành, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Thủy là có cơ sở, cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa chị T và anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 10/11/2010, hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Hải N cũng có ý kiến xin được ở với chị T trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Tại phiên tòa anh H trình bày hiện nay anh đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con riêng với vợ trước, trong trường hợp vợ chồng ly hôn anh nhất trí giao con chung là cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao con chung là cháu Nguyễn Hải N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc sau ly hôn là hợp tình, hợp lý vì thực tế cháu N hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn của cháu và tại phiên tòa anh H cũng nhất trí. Vì vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Hải N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh chị thống nhất xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh H đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã dài, hai bên không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt tiền ai người đó tiêu. Anh H thừa nhận quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng đều không thành, tình cảm vợ chồng không được cải thiện nhưng không đồng ý ly hôn với chị Thủy. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T.

Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Xác nhận chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 10/11/2010. Giao cháu Nguyễn Hải N cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Văn H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0064965 ngày 18/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- UBND phường Đức Giang, Long Biên, HN;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ngọc